

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 1353/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219, khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Đức T, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số 124/11 đường P, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Văn phòng công chứng T1

Địa chỉ: Số 454 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Lê Ngọc Thái D, sinh năm: 1977

Địa chỉ: số 124/11 đường P, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đức T, sinh năm: 1969 (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2017)

Địa chỉ: Số 124/11 đường P, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2 Ông Phạm Anh B1, sinh năm: 1993

Địa chỉ: 597/14 đường B2, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Tầng 2, số 296 đường P1, Phường 7, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc Q, sinh năm: 1984 (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018)

3.4 Ông B3 (Không xác định được họ tên và địa chỉ cư trú)

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 9691/QĐKNPT-VKS-DS Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 1353/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 21/9/2020, ông Đỗ Đức T kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 1353/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vì ông cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ không đúng.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 9691/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và ông Đỗ Đức T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

XÉT THẤY:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 14/8/2017, bản tự khai ngày 20/12/2017 của nguyên đơn ông Đỗ Đức T xác định nội dung:

Ngày 19/10/2016, bà Lê Ngọc Thái D có ký giấy vay của ông Phạm Anh B1 số tiền 350.000.000 đồng, nhưng thực tế bà D chỉ nhận 177.500.000 đồng không phải 350.000.000 đồng như trong thỏa thuận của giấy mượn tiền. Bà D đã giao cho ông B1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BO 638674, sổ vào sổ cấp GCN: CH 10140 do UBND quận B1 cấp ngày 03/6/2013 đối với căn nhà số 124/11 đường P, khu phố 1, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đỗ Đức T và bà Lê Ngọc Thái D. Ngày 20/10/2016 ông B1 lập hợp đồng mua bán căn nhà trên tại Văn phòng công chứng T1 giữa bên bán là ông Đỗ Đức T và bà Lê Ngọc Thái D, bên mua là ông Phạm Anh B1, ông T khai tại thời điểm ký hợp đồng này ông T, bà D không có mặt và cũng không ký tên vào hợp đồng mua bán. Nay ông T và bà D yêu cầu được trả lại số tiền đã vay cho ông B1 và yêu cầu hủy hợp đồng mua bán căn nhà số 124/11 đường P, khu phố 1, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh lập tại Văn phòng công chứng T1 ngày 20/10/2016, hủy phần cập nhật sang tên ông Phạm Anh B1 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2020 ông T và bà D đều khai khi ký giấy vay tiền ngày 19/10/2016, người thực tế giao tiền cho bà D là ông B3, không phải ông Phạm Anh B1. Bà D khai chỉ nhận 177.500.000 đồng không phải nhận 350.000.000. đồng như trong giấy vay tiền, do đó Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng để xác định số tiền thực tế bà D đã nhận và xác định nghĩa vụ hoàn trả của các bên, xét thấy cần phải đưa ông B3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ bản tự khai ngày 18/5/2020 của ông Đỗ Đức T và bà Lê Ngọc Thái D cùng xác định không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của ông B3 nên không thể cung cấp thông tin về họ tên và địa chỉ của ông B3 theo yêu cầu của Tòa án được.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 quy định: *Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng nguyên đơn không cung cấp được thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án không xác định được địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 3 Điều này*".

Nguyên đơn ông Đỗ Đức T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Thái D không cung cấp được họ tên và địa chỉ đầy đủ của ông B3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên Tòa án không có cơ sở xác minh thu thập chứng cứ về địa chỉ của ông B3 được. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định trường hợp này nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Tòa án không thể thu thập, xác minh địa chỉ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng mua bán nhà đất số công chứng 013161 ngày 20/10/2016 tại Văn phòng công chứng T1 vô hiệu do vợ chồng ông không phải là người trực tiếp ký Hợp đồng công chứng trên. Căn cứ vào Kết luận giám định số 1253/KLGD-TT ngày 09/10/2017 và số 117/KLGD-TT ngày 05/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T và bà D không thực hiện việc ký kết hợp đồng mua bán tại Văn phòng công chứng T1. Đây là vụ kiện "Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu", nguyên đơn yêu cầu hủy văn bản công chứng do ông B1 làm giấy tờ giả đến Phòng công chứng ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của nguyên đơn. Ngân hàng TMCP V cho ông B1 vay tiền và nhận thế chấp bằng hồ sơ giả này (ông B1 là chủ sở hữu) nhưng ông B1 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngân hàng chưa khởi kiện ông B1 nhưng đã có đơn tố cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Như vậy, trong vụ án này chỉ có một yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu do nguyên đơn khởi kiện Văn phòng công chứng T1. Viện kiểm sát đã có công văn yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả giải quyết đối với Quyết định khởi tố vụ án hình sự nhưng Tòa chưa xác minh để làm rõ giải quyết vụ kiện theo Hướng dẫn nghiệp vụ số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao, Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và công văn trao đổi nghiệp vụ số 649/TATP ngày 15/6/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh. Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của người liên quan là ông B3 là không có cơ sở vì trong vụ án này không có đương sự nào tranh chấp liên quan đến số tiền này. Do đó, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 lý do nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ người liên quan là vi phạm tố tụng.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy ông T, bà D khai việc ký công chứng mua bán nhà là giả tạo nhằm che dấu quan hệ vay tiền giữa bà D và ông B1. Khi tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thì phải giải quyết hậu quả của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Tại phiên họp, ông Đỗ Đức T đồng ý giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu trả lại cho ông B1 số tiền mà bà D ký giấy vay tiền là 350.000.000 đồng của ông Phạm Anh B1 (có giấy tay), không có liên quan gì đến ông B3 mà ông T, bà D khai tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đây là tình tiết mới.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của ông Đỗ Đức T, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 1353/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết vụ án như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp đề nghị.

Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cần làm đầy đủ các vấn đề mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu trong Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 9691/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ vào Điều 314 của của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của ông Đỗ Đức T .

Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 1353/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Ông Đỗ Đức T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn cho ông Đỗ Đức T tiền tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0092774 ngày 12/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu - (QĐ - PTT)

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu - (QĐ - PTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Đinh Ngọc Thu Hương

